

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 14  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2025/DS-ST

Ngày: 30-9-2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Mến.

2. Ông Đào Danh Tuất.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Trọng Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 123/2025/TLST – DS ngày 29 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2025/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 106/2025/QĐST-DS ngày 24/9/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị Thúy L, sinh năm 1956. Địa chỉ: Ấp C, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Ngô Thị L1, sinh năm 1969 và ông Đỗ Thiện N, sinh năm 1959. Địa chỉ: Ấp C, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh (bà L1 có mặt, ông N vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Hoàng Đức S, sinh năm 1960. Địa chỉ: Ấp C, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 15-4-2025 và trong quá trình tố tụng tại Toà, nguyên đơn bà Hoàng Thị Thúy L trình bày:*

Bà Hoàng Thị Thúy L và bà Ngô Thị L1 là người cùng địa phương nên trong khoảng thời gian từ năm 2023-2025 bà L có cho bà L1 và ông N vay nhiều lần tiền. Cụ thể các lần vay như sau:

Vào ngày 27-10-2023 bà L1 có vay của bà L số tiền là 350.000.000đ, khi vay thì bà L1 có viết giấy mượn tiền đề ngày 27-10-2023 và hẹn đến ngày 25-10-2023 sẽ trả, lãi suất các bên thoả thuận là 3%/ tháng nhưng không chỉ thoả thuận miệng, không có giấy tờ gì. Để bảo đảm cho việc vay thì bà L1 có đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 429458 do Ủy ban nhân dân huyện X cấp cho bà Ngô Thị L1 và ông Đỗ Thiện N cho bà L.

Lần 2: Vào ngày 14-10-2023 bà L1 tiếp tục vay của bà L số tiền là 60.000.000đ và hẹn đến ngày 20-12-2023 sẽ trả.

Lần 3: Vào ngày 18-01-2024 bà L1 tiếp tục vay của bà L số tiền là 70.000.000đ và hẹn chỉ khoảng 01 tuần sau sẽ trả.

Như vậy, tổng cộng số tiền bà L1, ông N đã vay của bà L là 480.000.000đ. Khi vay thoả thuận lãi suất là 3%/tháng, sau đó thoả thuận 6%/tháng. Mặc dù thoả thuận lãi như vậy nhưng bị đơn không trả theo thoả thuận. Tất cả ba lần vay trên thì chỉ có bà L1 viết giấy và nhận tiền nhưng khi bà L1 vay tiền thì bà L có gọi cho ông N là chồng bà L thì ông N xác nhận là ông N biết bà L1 vay tiền và số tiền này để cùng cho gia đình ông N. Sau khi vay thì bà L1 có trả được cho bà L số tiền lãi là 22.500.000đ sau đó thì không trả nữa. Bà L đã nhiều lần yêu cầu bà L1, ông N trả nợ nhưng bà L1, ông N không trả gây ảnh hưởng đến quyền lợi của bà L.

Nay bà L yêu cầu bà L1, ông N phải trả cho bà L số tiền gốc là 480.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 18-01-2024 (là ngày cuối cùng vay tiền) với lãi suất là 1.5%/tháng.

*Tại bản khai và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn bà Ngô Thị L1 trình bày:*

Bà L1 đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L. Bà L1 xác nhận bà L1 có vay của bà L 03 lần tiền với tổng số tiền là 480.000.000đ như bà L khởi kiện là đúng. Tuy nhiên, lãi suất các bên thoả thuận không phải là 3%/tháng mà là 7.5%/tháng nhưng các bên chỉ thoả thuận miệng với nhau, khi vay thì bà L1 có thể chấp cho bà L 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 429458 do Ủy ban nhân dân huyện X cấp cho bà Ngô Thị L1 và ông Đỗ Thiện N để làm tin. Từ khi vay đến nay thì bà L1 và ông N đã trả được cho bà L số tiền lãi là 36.000.000đ nhưng bà L1 không có chứng cứ gì để cung cấp cho Tòa án. Số tiền vay 480.000.000đ của

bà L thì ông N chồng bà L1 có biết, vì bà L1 vay số tiền này về để lo làm giấy tờ sổ sách đất đai của gia đình.

Nay bà L yêu cầu bà L1 và ông N trả số tiền gốc là 480.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 18-01-2024 với lãi suất 1.5%/tháng thì bà L1 đồng ý. Ông N biết việc bà L khởi kiện và đồng ý trả số tiền cho bà L nhưng vì công việc của ông N không xin nghỉ được nên không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án được.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Đức S trình bày:*

Ông là chồng của bà L. Đối với số tiền bà L cho bà L1, ông N vay là 480.000.000đ thì ông biết. Tuy nhiên, số tiền này là của riêng bà L, không phải tiền chung của vợ chồng nên ông không tranh chấp gì với bà L. Ông đề nghị Tòa án buộc bà L1, ông N trả số tiền này cho bà L theo yêu cầu khởi kiện của bà L.

*Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối bà L1, ông N về việc yêu cầu bà L1, ông N trả số tiền gốc là 480.000.000đ và tiền lãi là 1.5%/tháng tính từ ngày 18-01-2024 đến nay là hơn 20 tháng. Tuy nhiên, bà L chỉ yêu cầu bà L1, ông N trả tiền lãi là 130.000.000đ là khoảng hơn 18 tháng và phần còn lại thì giảm cho bà L1, ông N. Bị đơn bà L1 đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L1, ông N vắng mặt lần thứ hai dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án và không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật, giải quyết đúng thẩm quyền, việc thu thập tài liệu, chứng cứ và tổng đạt văn bản tố tụng được thực hiện đúng theo trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn, bị đơn bà L1 đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn ông N vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ.

Về nội dung: Xét thấy việc vay mượn được nguyên đơn và bị đơn bà L1 thừa nhận. Chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của bà L1 thì có căn cứ để xác định số tiền vay bà L 480.000.000đ thì ông N chồng bà L1 biết và tiền này để dùng chung cho gia đình bà L1. Vì vậy có căn cứ buộc bà L1, ông N trả cho bà L số tiền gốc là 480.000.000đ và 130.000.000đ tiền lãi. Sau khi bà L1, ông N trả nợ xong thì bà L có trách nhiệm trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 429458 do Ủy ban nhân dân huyện X cấp cho bà Ngô Thị L1 và ông Đỗ Thiện N.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền vay đã vay nợ và tiền lãi nên xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản; bị đơn có địa chỉ tại xã B, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Tại phiên tòa, bị đơn ông Đỗ Thiện N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông N.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền gốc:

Nguyên đơn cung cấp giấy mượn tiền ngày 27-10-2023 có nội dung bà L1 mượn của bà L số tiền là 350.000.000đ, hạn đến ngày 25-11-2023 sẽ trả lại và có gửi cho bà L 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 429458 do Ủy ban nhân dân huyện X cấp cho bà Ngô Thị L1 và ông Đỗ Thiện N; giấy mượn tiền ngày 14-12-2023 có nội dung bà Ngô Thị L1 mượn chị L số tiền 60.000.000đ hạn ngày 26-12-2023 trả và phía dưới của giấy mượn tiền này có nội dung “*em tên là Ngô Thị L1 mượn thêm của chị L 70 triệu đồng chẵn. Hạn một tuần sẽ trả, ngày 18/01/2024 ký tên Ngô Thị L1*”. Toàn bộ nội dung vay mượn này được chính bị đơn bà Ngô Thị L1 thừa nhận và tại phiên tòa bà L1 xác nhận có vay của bà L tổng số tiền là 480.000.000đ vay thành 03 lần và viết giấy như nguyên đơn cung cấp, đồng thời có đưa cho bà L 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin nên đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn ông Đỗ Thiện N trong quá trình tố tụng Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông N nhưng ông N vẫn vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, bà Ngô Thị L1 là vợ của ông N xác nhận mặc dù khi vay chỉ có mình bà L1 ký vào các giấy vay nợ với bà L, nhưng việc vay mượn nợ của bà L thì ông N có biết, đồng thời số tiền vay mượn là để dùng chung cho gia đình, nay là L khởi kiện thì ông N có biết và đồng ý trả nợ nhưng vì ông N đi làm nên không thể có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án được. Từ chứng cứ có trong hồ sơ và trình bày của bà Ngô Thị L1 thì có căn cứ xác định việc bà L1 vay tiền là để dùng cho gia đình. Nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng bà L1, ông N không thực hiện nghĩa vụ

trả nợ cho bà L là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015. Do đó, bà Hoàng Thị Thúy L khởi kiện yêu cầu bà Ngô Thị L1 và ông Đỗ Thiện N trả số tiền vay còn thiếu là 480.000.000đ là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn:

Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận việc vay mượn tiền là có lãi. Tuy nhiên, nguyên đơn cho rằng lãi suất các bên thỏa thuận có lúc là 3%/tháng, có lúc là 6%/tháng và bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 22.500.000đ, còn bị đơn bà L1 cho rằng lãi suất các bên thỏa thuận là 7.5%/ tháng và đã trả cho nguyên đơn được 36.000.000đ tiền lãi, nhưng cả nguyên đơn và bị đơn đều không cung cấp chứng cứ chứng minh cho việc vay có lãi. Nay tại phiên toà, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi tính từ ngày 18-01-2024 với lãi suất là 1.5%/ tháng thì bị đơn đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tiền lãi từ ngày 18-01-2024 đến ngày xét xử (30-9-2025) là 20 tháng 12 ngày. Cụ thể tiền lãi như sau:  $480.000.000đ \times 20 \text{ tháng} \times 1.5\%/tháng + 144.000.000đ \times 12 \text{ ngày} \times 0,05\% = 146.880.000đ$  nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi là 130.000.000đ là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Khi vay thì bị đơn có đưa cho nguyên đơn 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 429458 mang tên ông Đỗ Thiện N, bà Ngô Thị L1 được UBND huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 15/01/2009 để làm tin cho việc vay mượn tiền. Vì vậy, ngay sau khi bị đơn ông N, bà L1 thanh toán số tiền còn thiếu cho nguyên đơn thì nguyên đơn phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị đơn là phù hợp.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Ngô Thị L1 và ông Đỗ Thiện N phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Hoàng Thị Thúy L 480.000.000đ đồng tiền nợ gốc và 130.000.000đ tiền lãi. Tổng cộng là 610.000.000đ đồng.

[3] Về án phí: Theo quy định tại Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bà L khởi kiện được Tòa án chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà L1, ông N phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho bà L.

[4] Ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTNQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị Thúy L với bị đơn bà Nguyễn Thị L2 và ông Đỗ Thiện N về tranh chấp hợp đồng vay tài sản

Buộc bà Ngô Thị L1 và ông Đỗ Thiện N có nghĩa vụ thanh toán cho bà Hoàng Thị Thúy L số tiền nợ gốc 480.000.000đ (bốn trăm tám mươi triệu đồng) và số tiền lãi 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng). Tổng cộng 610.000.000đ (sáu trăm mười triệu đồng).

2. Sau khi bà Ngô Thị L1 và ông Đỗ Thiện N hoàn thành xong nghĩa vụ trả nợ thì bà Hoàng Thị Thúy L có trách nhiệm trả lại cho bà Ngô Thị L1 và ông Đỗ Thiện N bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 429458 mang tên ông Đỗ Thiện N, bà Ngô Thị L1 được Ủy ban nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 15/01/2009.

*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Ngô Thị L1 và ông Đỗ Thiện N phải nộp 28.400.000đ đồng (hai mươi tám triệu bốn trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 14 - Tp. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

## **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Thành**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG  
XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA  
PHIÊN TÒA**









